TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2023
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Yến.

- Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 556/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 525/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị B, sinh năm 1994. (Có mặt)

Địa chỉ: số B, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Lê Tấn P, sinh năm 1993. (Vắng mặt).

Địa chỉ: số C, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày: bà và ông P quen biết, tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2012, vợ chồng có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, ông P thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia đình và có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng thường xảy ra cự cãi. Bà cũng khuyên ngăn và tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không được, bà dọn về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến

nay. Nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông P.

- Về con chung: có 01 con chung tên là Lê Hoàng Kim N, sinh ngày 23/10/2012 hiện đang sống chung với ông P. Sau khi ly hôn, bà B đồng ý để ông P trực tiếp nuôi dưỡng con chung do từ nhỏ đến nay thì cháu N sống với ba và ông bà nội đã quen thuộc và ổn định, đồng thời hiện nay bà chưa có công việc ổn định nên không đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng cháu N nên bà không cấp dưỡng nuôi cháu N.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

- Bị đơn ông Lê Tấn P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông P đối với yêu cầu khởi kiện của bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Trần Thị B yêu cầu ly hôn với ông Lê Tấn P. Ông P có nơi cư trú tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Lê Tấn P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà B và ông P xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông, bà không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Trong quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể hàn gắn được, bà B và ông P không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Do bà B và ông P không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên căn cứ vào khoản 1, Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định không công nhận bà Trần Thị B và ông Lê Tấn P là vợ chồng.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên là Lê Hoàng Kim N, sinh ngày 23/10/2012. Bà B trình bày do chưa có việc làm ổn định và điều kiện kinh tế khó khăn, không đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc cháu N nên bà B đồng ý để ông P trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 24/10/2023 cháu N có nguyện vọng được sống với cha. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án thì ông P cũng không có văn bản trình bày ý kiến phản đối về việc tiếp tục nuôi cháu N. Trong thời gian cháu N sống với ông P được giáo dục tốt,

điều kiện sinh hoạt và chỗ ở đã ổn định, tâm tư, tình cảm của cháu N gắn liền với cha. Để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu N, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: do không ghi nhận được ý kiến của ông P về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của bà B trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: bà B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 9, 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích .

- Về quan hệ hôn nhân: không công nhận bà Trần Thị B và ông Lê Tấn P là vợ chồng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0002370 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà B đã nộp xong.

Nguyên đơn bà Trần Thị B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Lê Tấn P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Diệu Tiên